

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 3 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Diện.

Ông Nguyễn Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 670/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Bích N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 và các lời khai tại Tòa án chị Đinh Thị Bích N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn L chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh L có người khác nên thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/06/2012 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21/5/2021. Hiện tại, hai con đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tấn L (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị Đinh Thị Bích N, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Khoảng tháng 9/2024 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị N cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, thực tế chỉ là bạn bè nên anh có nhắn tin qua lại chứ không có tình cảm gì. Do anh vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/06/2012 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21/5/2021. Hiện tại, hai con đang sống cùng với chị N. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng T1 cho chị N nuôi, đối với cháu Nguyễn Hữu T theo nguyện vọng của con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn bảo lưu quan điểm đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Tấn L tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:*

Tranh chấp giữa chị Đinh Thị Bích N với anh Nguyễn Tấn L là tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn L có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Bích N và anh Nguyễn Tấn L chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 128/2010 ngày 26/10/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị N cương quyết xin ly hôn với anh L, anh

L không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ. Xét thấy, chị N xin ly hôn với anh L với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh L có người khác nên thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Anh L thừa nhận khoảng tháng 9/2024 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do chị N cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, thực tế chỉ là bạn bè nên anh L có nhắn tin qua lại chứ không có tình cảm gì. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh L là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh L thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/06/2012 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21/5/2021. Hiện tại, hai con đang sống cùng với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L đồng ý giao cháu Nguyễn Trọng T1 cho chị N nuôi, đối với cháu Nguyễn Hữu T theo nguyện vọng của con và anh L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay chị N nuôi dưỡng các con cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2025 cháu Nguyễn Hữu T có nguyện vọng muốn sống với chị N, anh L cũng thống nhất theo nguyện vọng của con. Đối với cháu Nguyễn Trọng T1, anh L đồng ý giao con cho chị N nuôi nên yêu cầu nuôi con của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao hai cháu Nguyễn Hữu T và Nguyễn Trọng T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị N và anh L thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ thu, nợ trả: Chị N và anh L thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bích N.

[1] *Về hôn nhân*: Chị Đinh Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

[2] *Về con chung*: Giao cho chị Đinh Thị Bích N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 22/06/2012 và Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21/5/2021. Anh Nguyễn Tấn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Tấn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Đinh Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018909 ngày 21/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Đinh Thị Bích N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Tấn L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng KTNV&THA;
- UBND xã Tân Hưng Đông;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Hằng